

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025

CHÁNH VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-VPUBND ngày 28/8/2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và các đơn vị trực thuộc (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính tỉnh;
- KBNN tỉnh;
- Lưu: VT, HCTC (Tân).

CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Phi Đa

Đơn vị: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp

Chương: 405

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 106/QĐ- QĐ-VPUBND ngày 10/9/2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh và các đơn vị trực thuộc (theo các biểu đính kèm).

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp	Đơn vị Trung tâm tin học và công báo	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp
1	2	3	4=5+6+7	5	6	7
	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
A	phí					
I	Số thu phí, lệ phí					
1	Lệ phí					
	Lệ phí...					
	Lệ phí...					
2	Phí					
	Phí ...					
	Thu hoạt động sản xuất kinh doanh					
	Phí ...					
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
1	Chi sự nghiệp.....					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
c	Chi hoạt động sản xuất kinh doanh					
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước					
1	Lệ phí					
	Lệ phí...					
	Lệ phí...					
2	Phí					
	Phí ...					
	Phí ...					
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	96.670,72	96.670,72	83.386,92	5.081,72	8.202,08
I	Nguồn ngân sách trong nước	96.670,72	96.670,72	83.386,92	5.081,72	8.202,08
	Chi quản lý hành chính (loại 340 khoản 341)	89.704,00	89.704,00	81.501,92		8.202,08
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	39.735,92	39.735,92	35.112,20		4.623,72
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	49.968,09	49.968,09	46.389,72		3.578,37
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					

na

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp	Đơn vị Trung tâm tin học và công báo	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo					
2.2	chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	910,00	910,00	910,00		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0,00				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (loại 070 khoản 083)	110,00	110,00	110,00		
3.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (loại 070 khoản 098)	800,00	800,00	800,00		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế (loại 280 khoản 338)	975,00	975,00	975,00	0,00	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0,00	0,00		0,00	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	975,00	975,00	975,00	0,00	
7a	Chi hoạt động kinh tế (loại 280 khoản 314)	2.326,72	2.326,72	0,00	2.326,72	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.157,62	2.157,62		2.157,62	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	169,10	169,10	0,00	169,10	
7b	Chi hoạt động kinh tế (loại 280 khoản 338)	2.755,00	2.755,00	0,00	2.755,00	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.623,00	1.623,00		1.623,00	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.132,00	1.132,00	0,00	1.132,00	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	thông tấn					
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
II	Nguồn vốn viện trợ					
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Dự án A					
1.2	Dự án B					
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ					
2.1	Dự án A					

na

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp	Đơn vị Trung tâm tin học và công báo	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp
2.2	Dự án B					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
3.1	Dự án A					
3.2	Dự án B					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Dự án A					
4.2	Dự án B					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Dự án A					
2.2	Dự án B					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Dự án A					
6.2	Dự án B					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Dự án A					
7.2	Dự án B					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Dự án A					
8.2	Dự án B					
9	thông tấn					
9.1	Dự án A					
9.2	Dự án B					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Dự án A					
10.2	Dự án B					
III	Nguồn vay nợ nước ngoài					
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Dự án A					
1.2	Dự án B					
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ					
2.1	Dự án A					
2.2	Dự án B					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
3.1	Dự án A					
3.2	Dự án B					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Dự án A					
4.2	Dự án B					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Dự án A					
2.2	Dự án B					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Dự án A					

Handwritten signature

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp	Đơn vị Trung tâm tin học và công báo	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp
6.2	Dự án B					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Dự án A					
7.2	Dự án B					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Dự án A					
8.2	Dự án B					
9	thông tấn					
9.1	Dự án A					
9.2	Dự án B					

na